

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

VĂN BẢN ĐẾN

Ngày: 29 -03- 2019

Số: 7207

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được kiểm toán

Hà nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
 - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC**
2. Mã chứng khoán : **BHT**
3. Địa chỉ trụ sở chính : **Số 99, nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.**
4. Điện thoại : **024.62865483**
5. Người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin: **TẠ VĂN TÚ**
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2018 bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Toàn bộ các báo cáo trên được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019.

6.2 Nội dung giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2018, so với cùng kỳ năm trước có biến động, nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm trước 326,3 triệu đồng (tương đương 100%), chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9.714 triệu đồng (tương đương 98,2%) , chi phí khác tăng 844 triệu đồng (tương đương 29,6%).

Như vậy, từ nguyên nhân trên đây cho thấy lợi nhuận của kỳ báo cáo năm nay có sự chênh lệch so với cùng kỳ năm trước là có cơ sở.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: bachdangtmc.com

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Cty TMC

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thường

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 - 33
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 33

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC, trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy TMC (tiền thân là Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng) được thành lập do chuyển đổi từ Công ty Lắp máy Điện nước và Xây dựng - Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng theo Quyết định số 2304/QĐ-BXD ngày 23 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001434 ngày 27 tháng 04 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Cho thuê thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản (thực hiện đền bù dự án tổ hợp công trình nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 99 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thường	Chủ tịch
Ông Đinh Đức Tân	Ủy viên
Bà Dương Thị Thủy	Ủy viên
Ông Tạ Văn Tú	Ủy viên
Ông Phạm Đình Huỳnh	Ủy viên

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thường	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thủy	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Văn Thường

Số : 82../2019/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đăng - TMC, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đăng - TMC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số VIII.11, Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo tài chính đính kèm theo được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Trong năm 2018 Công ty tiếp tục lỗ 6.395.564.671 đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 54.940.314.894 đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn là 3.032.500.069 đồng. Ngoài ra, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, tổng công nợ phải trả quá hạn thanh toán là 62.737.298.792 đồng (trong đó nợ vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 26.571.530.863 đồng, lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 11.009.629.955 đồng, nợ phải trả người bán là 4.814.238.786 đồng, nợ phải trả khác là 4.185.155.791 đồng, nợ thuế và các khoản lãi, phạt chậm nộp Nhà nước là 16.156.743.397 đồng). Những vấn đề này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin rằng với sự thoả thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về kế hoạch xoá nợ lãi vay phải trả, thương lượng giãn thời gian thanh toán các khoản nợ phải trả, đàm phán với chủ đầu tư để nghiệm thu, đơn đốc thanh toán các công trình đã hoàn thành, việc sử dụng giả định tiếp tục hoạt động liên tục hoạt động trong việc lập Báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019



Phó Giám đốc

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Kiểm toán viên

Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.372.781.420	77.247.294.661
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		181.269.473	48.197.803
1.	Tiền	111	V.01	181.269.473	48.197.803
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.345.320.483	29.952.121.602
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	17.751.429.453	20.432.747.753
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6.402.035.635	6.402.035.635
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	21.829.448.619	22.817.782.169
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(18.637.593.224)	(19.700.443.955)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	46.564.143.052	47.000.217.439
1.	Hàng tồn kho	141		53.742.171.790	54.178.246.177
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.178.028.738)	(7.178.028.738)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		282.048.412	246.757.817
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		282.048.412	238.962.593
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	7.795.224
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.799.332.720	88.485.249.589
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.946.432.763	19.643.009.034
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.846.090.400	3.542.666.671
	- Nguyên giá	222		29.330.992.873	29.330.992.873
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.484.902.473)	(25.788.326.202)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.100.342.363	16.100.342.363
	- Nguyên giá	228		16.100.342.363	16.100.342.363
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	70.744.899.957	68.621.824.104
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		70.744.899.957	68.621.824.104
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		108.000.000	220.416.451
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	108.000.000	220.416.451
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		163.172.114.140	165.732.544.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99 Nguyễn Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		166.204.614.209	162.369.479.648
I.	Nợ ngắn hạn	310		75.421.955.197	74.767.732.026
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.814.238.786	8.211.547.237
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.440.743.662	5.371.898.203
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	16.156.743.397	15.116.815.526
4.	Phải trả người lao động	314		304.516.085	274.880.262
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	11.453.229.652	9.039.220.916
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.343.355.889	3.574.242.156
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	32.557.150.424	32.827.150.424
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		351.977.302	351.977.302
II.	Nợ dài hạn	330		90.782.659.012	87.601.747.622
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	18.185.199.739	16.227.532.619
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	72.597.459.273	71.374.215.003
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(3.032.500.069)	3.363.064.602
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(3.032.500.069)	3.363.064.602
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.118.298.000	4.118.298.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.789.516.825	1.789.516.825
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(54.940.314.894)	(48.544.750.223)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(48.544.750.223)	(33.370.891.883)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(6.395.564.671)	(15.173.858.340)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		163.172.114.140	165.732.544.250

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	-	326.334.310
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	326.334.310
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	-	297.585.264
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	28.749.046
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	52.457	174.768
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.450.627.265	2.469.637.034
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.450.627.265	2.469.637.034
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.07	170.820.804	9.885.633.960
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.621.395.612)	(12.326.347.180)
11.	Thu nhập khác	31	V.05	-	-
12.	Chi phí khác	32	V.06	3.691.801.909	2.847.511.160
13.	Lợi nhuận khác	40		(3.691.801.909)	(2.847.511.160)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.313.197.521)	(15.173.858.340)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	82.367.150	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(6.395.564.671)	(15.173.858.340)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.09	(1.390)	(3.299)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10	(1.390)	(3.299)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng



Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(6.313.197.521)	(15.173.858.340)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.696.576.271	2.113.100.914
-	Các khoản dự phòng	03		(1.062.850.731)	8.023.678.017
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.457)	(174.768)
-	Chi phí lãi vay	06		2.450.627.265	2.469.637.034
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(3.228.897.173)	(2.567.617.143)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.634.361.255	1.359.108.772
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		436.074.387	(4.120.137)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.608.771.244)	345.061.568
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		112.416.451	101.469.989
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	(18.472.222)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(111.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(654.816.324)	(895.569.173)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(165.408.733)	(6.217.894.284)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.457	174.768
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(165.356.276)	(6.217.719.516)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.169.244.270	12.344.034.564
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.216.000.000)	(4.543.800.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(655.905.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		953.244.270	7.144.329.564
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		133.071.670	31.040.875
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.197.803	17.156.928
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		181.269.473	48.197.803

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng



Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Cho thuê thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản (thực hiện đền bù dự án tổ hợp công trình nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 01 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán độc lập:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC - Ninh Bình	Số 78, Đường Ngô Gia Tự, Phố Phúc Sơn, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong năm là từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định của đại hội đồng cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và dịch vụ đã cung cấp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	177.063.507	37.430.742
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.205.966	10.767.061
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	181.269.473	48.197.803

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.751.429.453	20.432.747.753
- Công ty Cổ phần TCT Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.474.978.546	2.674.978.546
- Công ty Cổ phần Y dược VIMEFAHR	4.846.214.745	4.846.214.745
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	2.652.801.098	2.652.801.098
- Ban quản lý dự án Nhiệt điện 1	463.163.705	2.588.747.028
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	7.314.271.359	7.670.006.336
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	17.751.429.453	20.432.747.753

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.402.035.635	6.402.035.635
- Công ty CP phát triển nông lâm công nghiệp	4.638.000.000	4.638.000.000
- Công ty CP thương mại tổng hợp Đại Duyên Hải	653.431.235	653.431.235
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.110.604.400	1.110.604.400
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	6.402.035.635	6.402.035.635

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	21.829.448.619	(2.573.657.335)	22.817.782.169	(983.400.643)
- Tạm ứng	11.397.819.080	-	11.284.994.528	-
- Phải thu khác	10.431.629.539	(2.573.657.335)	11.532.787.641	(983.400.643)
+ Phải thu các đối tượng tạm ứng là cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc	9.092.191.677	(2.073.657.335)	10.210.439.396	(483.400.643)
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và thương mại Đông Cường	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
+ Các đối tượng khác	839.437.862	-	822.348.245	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	21.829.448.619	(2.573.657.335)	22.817.782.169	(983.400.643)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngõ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Nợ phải thu khách hàng quá hạn	17.706.429.453	(16.063.935.889)	1.642.493.564	20.054.532.585	(18.717.043.312)	1.337.489.273
- Công ty liên doanh XD Hà Nội - Bắc Kinh	1.775.903.393	(1.775.903.393)	-	1.775.903.393	(1.775.903.393)	-
- Công ty CP tư vấn ĐT XD Ba Đình	1.339.954.525	(1.339.954.525)	-	1.339.954.525	(1.339.954.525)	-
- Cục thuế Hải Phòng	1.062.098.579	(1.062.098.579)	-	1.062.098.579	(1.062.098.579)	-
- Công ty cổ phần y dược VIMEFAHR	4.846.214.745	(4.846.214.745)	-	4.846.214.745	(4.846.214.745)	-
- Công ty CP thép Cửu Long	976.829.071	(976.829.071)	-	976.829.071	(976.829.071)	-
- Công ty CP TCT xây lắp dầu khí Nghệ An	2.474.978.546	(1.732.484.982)	742.493.564	2.674.978.546	(1.337.489.273)	1.337.489.273
- Đối tượng khác	5.230.450.594	(4.330.450.594)	900.000.000	7.378.553.726	(7.378.553.726)	-
Nợ phải thu ngắn hạn khác quá hạn	4.647.314.670	(2.573.657.335)	2.073.657.335	2.111.335.478	(983.400.643)	1.127.934.835
- Công ty CP tư vấn ĐT & XD TM Đồng Cường	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
- Nguyễn Thành Chung	2.327.208.267	(1.145.896.800)	1.181.311.467			
- Hà Đức Thảo	709.185.851	(354.592.926)	354.592.925			
- Nguyễn Mạnh Hà	482.742.177	(241.371.089)	241.371.089	416.334.904	(124.900.471)	291.434.433
- Trần Văn Sương	152.146.423	(76.073.212)	76.073.212	482.742.177	(144.822.653)	337.919.524
- Đối tượng khác	476.031.952	(255.723.309)	220.308.643	712.258.397	(213.677.519)	498.580.878
Cộng	22.353.744.123	(18.637.593.224)	3.716.150.899	22.165.868.063	(19.700.443.955)	2.465.424.108



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ, dụng cụ	58.168.636	-	58.168.636	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.670.089.271	(7.178.028.738)	52.106.163.658	(7.178.028.738)
- Thành phẩm	1.975.457.831	-	1.975.457.831	-
- Hàng hoá	38.456.052	-	38.456.052	-
Cộng	53.742.171.790	(7.178.028.738)	54.178.246.177	(7.178.028.738)

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	872.305.551	26.454.438.209	1.951.819.113	52.430.000	29.330.992.873
Số dư cuối năm	872.305.551	26.454.438.209	1.951.819.113	52.430.000	29.330.992.873
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	122.122.778	23.718.133.692	1.895.639.732	52.430.000	25.788.326.202
- Khấu hao trong năm	34.892.214	1.605.504.676	56.179.381		1.696.576.271
Số dư cuối năm	157.014.992	25.323.638.368	1.951.819.113	52.430.000	27.484.902.473
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	750.182.773	2.736.304.517	56.179.381	-	3.542.666.671
2. Tại ngày cuối năm	715.290.559	1.130.799.841	-	-	1.846.090.400

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 15.907.203.260 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.340.365.635 đồng và 0 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	16.100.342.363	16.100.342.363
<i>Số dư cuối năm</i>	16.100.342.363	16.100.342.363
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	16.100.342.363	16.100.342.363
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	16.100.342.363	16.100.342.363

Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài tại Thạch Thất, Hà Nội.

Giá trị còn lại cuối năm là của tài sản cố định vô hình là 16.100.342.363 đồng đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang(*)	70.744.899.957	68.621.824.104
Cộng	70.744.899.957	68.621.824.104

(*): Dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội có tổng diện tích là 49.664 m². Ngày 20 tháng 11 năm 2014, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 188/2014/HTLD/BĐTMC-VIMEDIMEX với Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD/188/2014/HĐLD/BĐTMC-VIDEDIMEX ngày 20 tháng 11 năm 2014 về việc hợp tác liên danh để thực hiện đầu tư dự án Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng tại Xuân Đình, quận Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Theo đó, hai bên thống nhất liên danh hợp tác để đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư đưa dự án vào khai thác, sử dụng theo phương thức cùng hợp tác xây dựng, quản lý và phân chia lợi nhuận, sản phẩm. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 40% và tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX là 60%, tỷ lệ góp vốn này sẽ là cơ sở để quy định tỷ lệ phân chia lợi nhuận, sản phẩm và rủi ro (nếu có) của Dự án. Công ty chịu trách nhiệm đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án là 24.000 m², Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX chịu trách nhiệm đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án là 25.664 m². Hiện tại, dự án đang thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>a. Dài hạn</i>	108.000.000	220.416.451
- Công cụ dụng cụ xuất dùng		12.416.451
- Giá trị thương hiệu	108.000.000	208.000.000
Cộng	108.000.000	220.416.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
a. Vay ngắn hạn	32.827.150.424	26.671.530.863	210.000.000	480.000.000	32.557.150.424	26.671.530.863
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>26.571.530.863</i>	<i>26.571.530.863</i>	-	-	<i>26.571.530.863</i>	<i>26.571.530.863</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở giao dịch (a)	26.571.530.863	26.571.530.863			26.571.530.863	26.571.530.863
- <i>Vay đối tượng khác (b)</i>	<i>6.255.619.561</i>	<i>100.000.000</i>	<i>210.000.000</i>	<i>480.000.000</i>	<i>5.985.619.561</i>	<i>100.000.000</i>
+ Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
+ Công ty CP bất động sản Vimedimex	4.482.619.561	-	210.000.000	480.000.000	4.212.619.561	-
+ Vay các đối tượng khác	1.673.000.000	-			1.673.000.000	-
b. Vay dài hạn	71.374.215.003	-	4.959.244.270	3.736.000.000	72.597.459.273	-
Từ 1 năm đến 5 năm	71.374.215.003	-	4.959.244.270	3.736.000.000	72.597.459.273	-
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>71.374.215.003</i>	<i>-</i>	<i>4.959.244.270</i>	<i>3.736.000.000</i>	<i>72.597.459.273</i>	<i>-</i>
+ Các đối tượng thuộc dự án Xuân Đình (c)	71.374.215.003	-	4.959.244.270	3.736.000.000	72.597.459.273	-
Cộng	104.201.365.427	26.671.530.863	5.169.244.270	4.216.000.000	105.154.609.697	26.671.530.863

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam lãi suất 8,5%/năm để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Thạch Thất - Hà Nội và một số máy móc thiết bị. Khoản vay ngân hàng của Công ty đã quá hạn thanh toán. Chi phí lãi vay quá hạn đến 31/12/2018 là 11.009.629.955 đồng.
- (b) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 7%/năm đến 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (c) Khoản vay các cá nhân để thực hiện dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Lãi vay từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
a. Phải trả người bán ngắn hạn	4.814.238.786	4.814.238.786	8.211.547.237	8.211.547.237
- Công ty TNHH Hùng Hiệp Quảng Ninh	1.699.817.640	1.699.817.640	2.090.615.695	2.090.615.695
- Công ty TNHH MTV TVTK TM & XD Mạnh Cường	529.142.288	529.142.288	1.752.648.189	1.752.648.189
- Công ty TNHH 405	805.662.007	805.662.007	805.662.007	805.662.007
- Công ty TNHH Thái Long	1.164.588.461	1.164.588.461	1.855.583.345	1.855.583.345
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	615.028.390	615.028.390	1.707.038.001	1.707.038.001
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.814.238.786	4.814.238.786	8.211.547.237	8.211.547.237

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	7.795.224	4.214.140.979	87.422.128	79.626.903	-	4.214.140.980
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.511.594.916	82.367.150	-	-	3.593.962.066
- Thuế thu nhập cá nhân	-	689.777.441	24.373.869	-	-	714.151.310
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.701.302.190	936.186.851	3.000.000	-	7.634.489.041
Cộng	7.795.224	15.116.815.526	1.130.349.998	82.626.903	-	16.156.743.397

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	11.453.229.652	9.039.220.916
- Chi phí lãi vay ngân hàng và vay cá nhân	11.407.593.288	8.993.584.552
- Các khoản trích trước khác	45.636.364	45.636.364
b. Dài hạn	18.185.199.739	16.227.532.619
- Lãi vay của dự án (*)	18.185.199.739	16.227.532.619
Cộng	29.638.429.391	25.266.753.535

(*): Chi phí lãi vay liên quan đến dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả quá hạn chưa thanh toán	11.009.629.955	8.719.680.663
- Chi phí lãi vay	11.009.629.955	8.719.680.663
- Các khoản trích trước khác	-	-
Cộng	11.009.629.955	8.719.680.663

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	4.343.355.889	3.574.242.156
- Kinh phí công đoàn	158.200.098	159.700.098
- Bảo hiểm xã hội	2.497.308.533	1.971.257.342
- Bảo hiểm y tế	4.584.389	159.851.420
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.440.418	158.525.754
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	330.408.234	330.408.234
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.350.414.217	794.499.308
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4.343.355.889	3.574.242.156

	Số cuối năm	Số đầu năm
c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Bảo hiểm xã hội	2.497.308.533	1.971.257.342
- Bảo hiểm y tế	4.584.389	159.851.420
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.440.418	158.525.754
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	330.408.234	330.408.234
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.350.414.217	794.499.308
Cộng	4.185.155.791	3.414.542.058

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	46.000.000.000	4.118.298.000	1.789.516.825	(32.680.891.883)	19.226.922.942
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(15.173.858.340)	(15.173.858.340)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trả cổ tức năm 2014	-	-	-	(690.000.000)	(690.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	46.000.000.000	4.118.298.000	1.789.516.825	(48.544.750.223)	3.363.064.602
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	(6.395.564.671)	(6.395.564.671)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	46.000.000.000	4.118.298.000	1.789.516.825	(54.940.314.894)	(3.032.500.069)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	2.273.000.000	4,94	2.273.000.000	4,94
Vốn góp của các cổ đông khác	43.727.000.000	95,06	43.727.000.000	95,06
Cộng	46.000.000.000	100	46.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	46.000.000.000	46.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	46.000.000.000	46.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	690.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.600.000	4.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.600.000	4.600.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.600.000	4.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.600.000	4.600.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	326.334.310
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	-	326.334.310

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	297.585.264
Cộng	-	297.585.264

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.457	174.768
Cộng	52.457	174.768

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	2.450.627.265	2.469.637.034
Cộng	2.450.627.265	2.469.637.034

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Nợ phải trả người bán được miễn trừ	-	171.780.449
- Thu nhập khác	-	-
Cộng	-	171.780.449

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt vi phạm hành chính và truy thu thuế	1.241.424.871	1.182.407.525
- Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.605.504.673	1.634.164.072
- Phạt chậm tiến độ công trình	776.197.235	-
- Các khoản khác	68.675.130	30.939.563
Cộng	3.691.801.909	2.847.511.160

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	633.017.835	917.346.349
- Chi phí khấu hao TSCĐ	91.071.598	207.419.775
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.617.849	544.861.449
- Chi phí dự phòng	(1.062.850.731)	8.023.678.017
- Các khoản chi phí khác	104.964.253	192.328.370
Cộng	170.820.804	9.885.633.960

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	82.367.150	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	82.367.150	-

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(6.395.564.671)	(15.173.858.340)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.395.564.671)	(15.173.858.340)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.600.000	4.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.390)	(3.299)

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(6.395.564.671)	(15.173.858.340)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.395.564.671)	(15.173.858.340)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.600.000	4.600.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.390)	(3.299)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	633.017.835	917.346.349
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.071.598	478.936.842
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.617.849	7.523.144.484
- Chi phí dự phòng	(1.062.850.731)	8.023.678.017
- Chi phí khác	104.964.253	218.476.552
Cộng	170.820.804	17.161.582.244

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Bà Dương Thị Thủy	Ủy viên HĐQT, kế toán trưởng	Lãi tiền vay	47.565.000	47.565.000
Ông Tạ Văn Tú	Ủy viên HĐQT	Lãi tiền vay	42.840.000	42.840.000
Bà Trần Thị Bé	Vợ ông Nguyễn Văn Thường - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Lãi tiền vay	210.000.000	210.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay		
Bà Dương Thị Thủy	453.000.000	453.000.000
Ông Tạ Văn Tú	408.000.000	408.000.000
Bà Trần Thị Bé	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng nợ phải trả	2.861.000.000	2.861.000.000

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	262.699.207	297.129.570
Cộng	262.699.207	297.129.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP

Mối quan hệ

Cổ đồng góp vốn

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP		
Lãi tiền vay và lãi trả chậm	36.618.529	46.586.908
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	34.095.000

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP		
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	184.738.785	184.738.785
+ Vay ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	199.931.615	163.313.086
+ Cổ tức phải trả	272.760.000	272.760.000
Cộng nợ phải trả	757.430.400	720.811.871

03. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chi phí thực hiện dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội để phù hợp với quy định của chế độ kế toán hiện hành. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	145.869.118.765	(68.621.824.104)	77.247.294.661
Hàng tồn kho	140	115.622.041.543	(68.621.824.104)	47.000.217.439
Hàng tồn kho	141	122.800.070.281	(68.621.824.104)	54.178.246.177
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	19.863.425.485	68.621.824.104	88.485.249.589
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	68.621.824.104	68.621.824.104
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	68.621.824.104	68.621.824.104
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10			
Tăng, giảm hàng tồn kho	11	(6.978.363.020)	6.974.242.883	(4.120.137)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		1.101.410.167	(756.348.599)	345.061.568
	20			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	21	(7.113.463.457)	6.217.894.284	(895.569.173)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	30	-	(6.217.894.284)	(6.217.894.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	100	174.768	(6.217.894.284)	(6.217.719.516)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngõ 9, phố Kôn Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Xây dựng	Kinh doanh BĐS	Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
Năm trước					Cộng
-	Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	-	326.334.310	326.334.310
-	Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
-	Chi phí phân bổ	11.308.414.297	815.274.013	528.993.180	12.652.681.490
-	Lợi nhuận từ hoạt động KD	(11.308.414.297)	(815.274.013)	(202.658.870)	(12.326.347.180)
-	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
-	Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	90.675.789	90.675.789	297.585.264	478.936.842
Số dư tại ngày 31/12/2017					
-	Tài sản trực tiếp của bộ phận	91.965.727.999	73.259.824.104	458.794.344	165.684.346.447
-	Tài sản không phân bổ				48.197.803
Tổng tài sản		91.965.727.999	73.259.824.104	458.794.344	165.732.544.250
-	Nợ phải trả bộ phận	69.563.726.929	92.084.367.183	39.000.000	161.687.094.112
-	Nợ phải trả không phân bổ				682.385.536
Tổng nợ phải trả		69.563.726.929	92.084.367.183	39.000.000	162.369.479.648

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC
Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.269.473	-	181.269.473	48.197.803
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.183.058.992	(18.637.593.224)	9.545.465.768	21.182.693.213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.364.328.465	(18.637.593.224)	9.726.735.241	21.230.891.016

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	4.814.238.786	8.211.547.237	4.814.238.786	8.211.547.237
Vay và nợ	105.154.609.697	104.201.365.427	105.154.609.697	104.201.365.427
Chi phí phải trả	29.638.429.391	25.266.753.535	29.638.429.391	25.266.753.535
Các khoản phải trả khác	1.350.414.217	794.499.308	1.350.414.217	794.499.308
Cộng	140.957.692.091	138.474.165.507	140.957.692.091	138.474.165.507

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụ Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**06. Tài sản đảm bảo*****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07, V.08 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
Số cuối năm	
Máy móc, thiết bị	-
Quyền sử dụng đất	16.100.342.363
Cộng	16.100.342.363

Số đầu năm	
Máy móc, thiết bị	30.049.124
Quyền sử dụng đất	16.100.342.363
Cộng	16.130.391.487

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Toàn bộ công nợ phải thu khách hàng quá hạn đã được trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.814.238.786	-	-	4.814.238.786
Vay và nợ	32.557.150.424	72.597.459.273	-	105.154.609.697
Chi phí phải trả	11.453.229.652	18.185.199.739	-	29.638.429.391
Các khoản phải trả khác	1.350.414.217	-	-	1.350.414.217
Cộng	50.175.033.079	90.782.659.012	-	140.957.692.091

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	8.211.547.237	-	-	8.211.547.237
Vay và nợ	32.827.150.424	71.374.215.003	-	104.201.365.427
Chi phí phải trả	9.039.220.916	16.227.532.619	-	25.266.753.535
Các khoản phải trả khác	794.499.308	-	-	794.499.308
Cộng	50.872.417.885	87.601.747.622	-	138.474.165.507

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, trong đó một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh trình bày lại như trình bày tại thuyết minh số V.III.3.

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo tài chính đính kèm theo được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Trong năm 2018 Công ty tiếp tục lỗ 6.395.564.671 đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 54.940.314.894 đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn là 3.032.500.069 đồng. Ngoài ra, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, tổng công nợ phải trả quá hạn thanh toán là 62.737.298.792 đồng (trong đó nợ vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 26.571.530.863 đồng, lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 11.009.629.955 đồng, nợ phải trả người bán là 4.814.238.786 đồng, nợ phải trả khác là 4.185.155.791 đồng, nợ thuế và các khoản lãi, phạt chậm nộp Nhà nước là 16.156.743.397 đồng). Những vấn đề này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin rằng với sự thỏa thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về kế hoạch xoá nợ lãi vay phải trả, thương lượng giãn thời gian thanh toán các khoản nợ phải trả, đàm phán với chủ đầu tư để nghiệm thu, đơn đốc thanh toán các công trình đã hoàn thành, việc sử dụng giả định tiếp tục hoạt động liên tục hoạt động trong việc lập Báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường